

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/8/2022

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phương Văn Tư.

2. Bà: Lục Thị Tuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Thu H, sinh năm 197x;

Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chỗ ở hiện nay: Trường Mầm non xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị Đơn:* Anh Lâm Văn V, sinh năm 197x;

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng - Đại diện theo pháp luật bà Hoàng Thu P - Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng H - Phó Giám đốc. Vắng mặt có lý do.

4. *Người làm chứng:*

- Nông Thị H. Nơi cư trú: Trường Mầm non xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Lương Thị O. Nơi cư trú: Trường Mầm non xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt.

- Phan Văn T. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/6/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nông Thị Thu H trình bày: Trước khi kết hôn với anh V thì chị đã có một con riêng tên là Lâm Ngọc H, sinh năm 2004 hiện nay đã trưởng thành. Tuy nhiên anh V và gia đình vẫn chấp nhận nên chị đồng ý kết hôn với anh Lâm Văn V vào năm 2012. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 18/7/2012, việc đăng ký do hai bên tự nguyện tiến hành. Sau đó con riêng cũng theo chị về sống cùng anh V. Trong thời gian sống cùng anh V thì chị có một con chung với anh V tên là Lâm Ngọc Thảo L, sinh ngày 13/9/201x. Sống chung được một thời gian thì gia đình chồng và chồng không ưa con riêng của chị nên thường xuyên chửi mắng và đuổi con chị ra khỏi nhà. Vì thương con nên chị và hai con rời khỏi nhà chồng về sống ở khu tập thể trường Mầm non C (một thời gian ở khu tập thể trường THPT P) từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian trên anh V vẫn thường xuyên xuống trường gây sự, chửi bới và đánh hai mẹ con. Việc này có một cô trong trường và Công an viên xóm biết. Hiện nay giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Lâm Văn V. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Trong thời gian sống chung chị có mua sắm một số đồ dùng gia đình như Tivi, tủ lạnh, kệ đồ, toàn bộ tài sản này chị H có nguyện vọng được lấy lại. Giữa hai vợ chồng có khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện số tiền 55.000.000đ, sau khi ly hôn chị tự nguyện trả toàn bộ số tiền gốc cùng lãi suất phát sinh trên cho Ngân hàng.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/7/2022 bị đơn anh V xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, con riêng, tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên anh V cho rằng giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, anh vẫn đối xử tốt với con riêng của vợ, anh không được chửi con riêng cũng như không được đánh vợ. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không nhất trí mà mong muốn được đoàn tụ.

Cháu H là con riêng của chị H xác nhận: Trong thời kỳ sống chung ông V đối xử không tốt với cháu, nhiều khi đi học về muộn thì ông ấy không để phần cơm cho cháu, những lúc như thế cháu phải xuống trường ăn với mẹ. Khi mẹ vắng nhà ông ấy cũng thường xuyên chửi bới nhưng cháu không dám nói với mẹ. Vì không chịu được nên ba mẹ con chuyển xuống trường Mầm non xã C sống. Trong thời gian này ông ấy cũng thường xuyên xuống trường gây sự hai mẹ con, có lần giữa hai bố con có xô xát với nhau.

Cháu L con chung của chị H anh V xác nhận: Khi còn sống chung nhà thì bố không ưa và đối xử không tốt với anh H, thì thoảng chửi bới anh H, còn với cháu thì bố vẫn đối xử tốt. Sau đó cháu cũng theo mẹ và anh H về sống tại trường học của mẹ, trong thời gian này bố thì thoảng lại xuống gây sự đánh mẹ, khi anh H vào

can ngăn thì bỏ đánh cả anh H. Đồng thời cháu có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tòa án tiến hành xác minh tại Trường Mầm non xã C cũng như tại xóm với kết quả: Chị O - Hiệu trưởng nhà trường xác nhận cô H về sống tại khu tập thể trường từ năm 2017, trong thời gian này có nghe nói anh V thì thoảng xuống trường nhưng toàn ngoài giờ hành chính nên chị không biết xuống để làm gì. Chị H - Giáo viên của trường xác nhận được chứng kiến một lần giữa anh V và chị H cãi nhau ngoài sân trường, chị có được khuyên nhủ hai vợ chồng, sau đó thấy ổn thì chị trở về phòng, sự việc tiếp theo diễn ra như nào thì chị không biết. Anh T - Công an viên xóm xác nhận có một lần được Bí thư Đảng ủy xã gọi báo có ông V gây sự ở trường Mầm non C, khi anh lên thì ông V cũng đang đi ra đến cổng trường. Ngoài ra, anh được chứng kiến một lần khác anh V đến gây sự khi chị H đang trợ trong trường THPT P, thời điểm đó thấy bảo vệ nhà trường lôi anh V ra khỏi cổng trường.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh có ý kiến: Hộ gia đình chị H, anh V có vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh tổng số tiền 70.000.000đ, đã trả được 15.000.000đ, nay còn nợ gốc số tiền 55.000.000đ cùng lãi suất phát sinh. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh V và tự nguyện thanh toán cả nợ gốc lẫn lãi phía Ngân hàng hoàn toàn nhất trí. Đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn như đơn khởi kiện, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đối với khoản vay ngân hàng chính sách xã hội huyện chị H tự nguyện thanh toán cả gốc lẫn lãi phát sinh. Về tài sản chung, chị tự nguyện để lại toàn bộ cho anh V quản lý, sử dụng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí trên số tiền 55.000.000đ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện.

Anh V trình bày: Anh xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Nay chị H kiên quyết xin ly hôn và giành quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng anh hoàn toàn nhất trí. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, nhất trí để chị H tự thanh toán cả gốc lẫn lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị Thu H được ly hôn anh Lâm Văn V;
- Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh V;
- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H thanh toán toàn bộ khoản tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự không có giá ngạch và 2.750.000đ án phí về nghĩa vụ trả nợ để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Lâm Văn V có hộ khẩu thường trú tại: Xóm Đô, xã C, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nông Thị Thu H yêu cầu ly hôn anh Lâm Văn V, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, tự nguyện thanh toán nợ chung, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh V tổ chức đăng ký kết hôn ngày 18/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh V là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận kể từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có con riêng của chị H sống cùng nên anh V tỏ thái độ không hài lòng. Nhiều lần đối xử không tốt với con riêng của vợ, chính con chung của chị H và anh V cũng thừa nhận điều này. Vì vậy mà ba mẹ con chị H đã rời khỏi nhà ra sống ở khu tập thể trường học từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian này anh V cũng nhiều lần xuống trường học nơi chị H trọ gây sự, việc này có cô giáo trong trường và Công an viên xóm chứng kiến. Tại phiên hòa giải anh V không nhất trí ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khoảng thời gian ly thân từ 2017 đến nay anh V cũng không có cách hòa giải, thuyết phục để ba mẹ con quay lại sinh sống cùng nhau. Chính điều này làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo

dài. Tại phiên tòa thấy chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn nên anh V nhất trí. Từ những phân tích và nhận định trên đây xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh V có 01 con chung tên Lâm Ngọc Thảo L, sinh ngày 13/9/201x, hiện nay đang sống với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu L đã sống cùng mẹ từ nhỏ, chị H là giáo viên có thu nhập ổn định, có nhiều kỹ năng hơn anh V trong việc nuôi dạy con, nhất là con gái. Mặt khác cháu L cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Tại phiên tòa anh V cũng nhất trí để chị H nuôi con chung. Do vậy việc giao con chung cho chị H chăm sóc sẽ đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về mọi mặt của cháu L. Xét thấy chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa chị H tự nguyện rút không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về nợ chung*: Trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh tổng số tiền 70.000.000đ, đã trả được 15.000.000đ, nay còn nợ gốc số tiền 55.000.000đ cùng lãi suất phát sinh. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H tự nguyện thanh toán khoản nợ này cùng lãi suất phát sinh, phía anh V cũng hoàn toàn nhất trí. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận này là hợp pháp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[8]. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 2.750.000đ án phí về nghĩa vụ trả nợ để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0004184 ngày 22/6/2022. Nay chị H còn phải nộp thêm số tiền 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị Thu H được ly hôn anh Lâm Văn V.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lâm Ngọc Thảo L, sinh ngày 13/9/201x cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh V.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H thanh toán toàn bộ khoản nợ 55.000.000đ cùng lãi suất phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 2.750.000đ án phí về nghĩa vụ trả nợ để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0004184 ngày 22/6/2022. Nay chị H còn phải nộp thêm số tiền 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

6. *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt Bản án hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Chí Viễn;
- Người CQLVNLQ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

